TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2023/HSST
Ngày: 25-10-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Phát
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình
Bà Nguyễn Ngọc Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 153/2023/HSST ngày 18 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 790/2023/HSST-QĐ ngày 27 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Thân Văn T, sinh năm 1991 tại thành phố Cần Thơ. Tên gọi khác: C. Nơi cư trú: ấp I, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thân Văn V, sinh năm 1961 và bà Vũ Thị Q, sinh năm 1962; Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ tư và chưa có vợ, con. Tiền sự: Không. Tiền án: Ngày 14/6/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 (năm) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Chưa đóng án phí dân sự sơ thẩm và bồi thường dân sự. Nhân thân: Ngày 20/01/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 01 (một) năm tù về tội "Hủy hoại tài sản". Ngày 14/12/2005 bị Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng về hành vi "Trộm cắp tài sản". Bị cáo bị bắt quả tang và bị giam, giữ từ ngày 04/9/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ (có mặt).

2. Nguyễn Quốc L, sinh năm 1995, tại tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp A, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông

Nguyễn Văn T1, sinh năm 1969 và con bà Vũ Tuyết P, sinh năm 1976. Gia đình có ba chị em, bị cáo là con thứ ba. Bị cáo sống chung như vợ chồng với Lê Phương T2, sinh năm 2000; Bị cáo có 01 con sinh năm 2018. Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang và bị giam giữ từ ngày 04/9/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ (có mặt).

3. Bùi Văn L1, sinh năm 1989, tại tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: khu phố L, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn C1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1964. Gia đình có sáu anh chị em, bị cáo là con thứ tư. Họ và tên vợ Lý A D, sinh năm 1988; Bị cáo có ba con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 04/9/2022, chuyển tạm giam từ ngày 12/9/2022. Đến ngày 03/11/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4. Phạm Văn Q1, sinh năm 1990, tại tỉnh Hải Dương. Nơi đăng ký thường trú: khu phố E, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Xuân T3, sinh năm 1949 và bà Đào Thị C2, sinh năm 1953. Gia đình bị cáo có bốn anh chị em, bị cáo là con út, chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 04/9/2022 đến ngày 12/9/2022. Ngày 15/9/2022 bị bắt tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ (có mặt).

Người làm chứng:

Anh Trần Kim T4, sinh năm 1988.

Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1990.

Anh Lê Đức M, sinh năm 1993.

Anh Nguyễn Duy P1, sinh năm 1990.

Anh Nguyễn Đức T5, sinh năm 1986.

Chị Nguyễn Thị Hồng H1, sinh năm 1993.

Chị Lê Thị Tuyết M1, sinh năm 2000.

Chị Trương Thị Cẩm V1, sinh năm 2003.

Chị Trần Phương T6, sinh năm 2002.

Chị Hồ Thị Cẩm H2, sinh năm 1994.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn Q1 được anh rể là Nguyễn Trường K, sinh năm 1984 ngụ tại G, khu phố E, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giao quản lý Homestay Papa H3 tại địa chỉ ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai, với ngành nghề kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống.

Khoảng 08 giờ ngày 03/9/2022, Nguyễn Quốc L và Lê Thị Tuyết M1 đến Homestay P, sau khi gặp Phạm Văn Q1 thuê 01 chòi gỗ có gác lửng thì gặp Lê Đức M, Nguyễn Duy P1 và người tên T7 (không rõ họ, địa chỉ) đang câu cá ở khu vực bờ hồ trong khuôn viên Homestay Papa H3. L cùng M1 rủ M, P1 và T7 lên chòi lá ăn nhậu. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, nhóm L có nhu cầu sử dụng ma túy nên L, T7 rủ nhau mua ma túy và thuê phòng tại lầu B Homestay P để cả nhóm sử dụng. Tín góp 2.000.000 đồng và nhận của L 1.000.000 đồng mua 03 viên kẹo (thuốc lắc) và nửa hộp hàng khay (ma túy loại Ketamine) đem về phòng. L lấy 01 ít ma túy loại Ketamine cùng M, T7, P1 sử dụng. L tiếp tục lấy 01 viên ma túy thuốc lắc sử dụng 1/2, phần còn lại L chia đôi đưa một nửa cho M1 sử dụng, nửa còn lại cất vào bọc. M gọi điện rủ Bùi Văn L1, Thân Văn T đến Homestay P để nhậu. L1 điều khiển xe mô tô Vision biển số 94B1-42010, T thuê taxi và rủ thêm Trương Thị Cẩm V1 đi cùng. L1, T, V1 vào phòng ăn nhậu và cùng L, M, P1, T7 sử dụng ma túy. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, nhóm Nguyễn Đức H, Nguyễn Đức T5 và Trần Kim T4 đang ăn nhậu tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai thì H gọi điện cho T và được T cho biết đang ở Homestay P, đồng thời T rủ H sang chơi. H, T5, T4 thuê taxi chở đến Homestay Papa H vào phòng ăn nhậu và sử dụng ma túy cùng nhóm T. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Phạm Văn Q1 biết nhóm T đang sử dụng ma túy và mở nhạc với âm thanh lớn trong phòng, nên Q1 lên phòng nói mọi người trong nhóm bạn dời địa điểm chuyển ra chòi lá sát bờ hồ. Quyền lấy 01 đĩa sứ và 04 cái nệm để nhóm T sử dụng ma túy. T và nhóm bạn mang loa, máy chiếu, đèn từ phòng xuống chòi lá tiếp tục sử dụng ma túy. Khi số ma túy gần hết, T gọi điện thoại cho đối tượng tên C3 (chưa rõ họ, địa chỉ) liên hệ hẹn mua ma túy, đồng thời mượn xe mô tô biển số 94B1-42010 của L1 và rủ L1 cùng đi đến điểm hẹn lấy ma túy. T điều khiển xe mô tô của L1 và chở L1 đến điểm hẹn tại ngã ba T, thuộc xã B, huyện T nhận ma túy loại Ketamine từ C3, nhưng T chưa trả tiền (mua thiếu). Sau đó T cùng L1 mang ma túy về chòi lá Homestay P. Liêm dùng thẻ ATM của L đổ ma túy ra đĩa sứ Q1 cho mượn trước đó rồi chia thành từng đường cùng mọi người sử dụng. L1 gọi điện nhờ B (không rõ họ tên, địa chỉ) tìm thêm ba người nữ đến H5 chơi và phục vụ H, T5, T4. Khoảng 01 giờ 45 phút ngày 04/9/2022, Trần Phương T6, Nguyễn Thị Hồng H1, Hồ Thị Cẩm H2 đến chòi lá cùng sử dụng ma túy với nhóm T. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày trong lúc T, L,

L1, M, P1, M1, H, T5, T4, T6, H1, H2 đang sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Tại thời điểm Công an kiểm tra, T7 đã bỏ đi và không xác định được.

+ Tang vật, tài sản, phương tiện thu giữ:

- Thu giữ tại chòi: Chất bột màu trắng (được niêm phong); 01 đĩa sứ màu trắng; 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng được cuộn thành dạng ống hút; 01 thẻ ATM ngân hàng V2 có ghi NGUYEN QUOC LIEM; 01 loa hiệu Harman/Kardon màu xanh dương; 01 đèn Laser Pro SF-8386; 01 loa Sony model: MHC-V02 màu đen.

- Thu giữ trong người các đối tượng: Thân Văn Trung 01 điện thoại Iphone X màu trắng, 01 điện thoại Nokia màu đen và 370.000 đồng; Nguyễn Quốc L 01 điện thoại Oppo F11 màu xanh đen; Bùi Văn L1 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu đen và 1.100.000 đồng; Phạm Văn Q1 01 điện thoại Iphone 13 Promax màu vàng.

- Thu giữ trong khuôn viên Homestay Papa H3: xe mô tô biển số 94B1-420.10; xe mô tô biển số 60H1-305.52; xe mô tô biển số 67U1-4530.

+ Tại Bản kết luận giám định số 1869/KLGĐ-PC09 ngày 09/9/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu chất bột màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,3732 gam, loại Ketamine. H4 lại đối tượng sau giám định trong niêm phong số 1869/KL-KTHS.

+ Về nguồn gốc phương tiện thu giữ:

- Xe mô tô biển số 94B1-420.10 thu giữ của Bùi Văn L1. Kết quả xác minh ông Nguyễn Văn T8 ngụ tại ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe. Hiện ông T8 không có mặt tại địa phương nên không làm việc được. Bị cáo Bùi Văn L1 khai mua lại của một người không rõ vào năm 2015, không có giấy tờ xe.

- Xe mô tô biển số 60H1-305.52 đứng tên bà Lý A D ngụ tại ấp C, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Ngày 03/9/2022, Nguyễn Duy P1 mượn xe của bà D đi công việc, bà D không biết P1 điều khiển xe mô tô đến Homestay P sử dụng ma túy.

- Xe mô tô biển số 67U1-4530 đứng tên Trần Văn T9 ngụ tại khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang. Anh T9 không có mặt ở địa phương nên chưa làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã thông báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả.

+ Xử lý tang vật, tài sản, phương tiện tạm giữ:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V giao trả xe mô tô biển số 60H1-305.52 cho bà Lý A D.

- Đối với 02 xe mô tô có biển số: 94B1-420.10, 67U1-4530 không có giấy chứng nhận đăng ký và chưa xác định được chủ sở hữu, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển Công an huyện V tiếp tục xác minh, giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản cáo trạng số 93/CT-VKSVC ngày 15/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu để xét xử: Đối với các bị cáo Thân Văn T, Nguyễn Quốc L, Bùi Văn L1 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, khoản 2, Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Đối với bị cáo Phạm Văn Q1 về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Tuyên bố các bị cáo Thân Văn T, Nguyễn Quốc L, Bùi Văn L1 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 255; điểm h, khoản 1, Điều 52; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Thân Văn T từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù.

Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 255; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc L, Bùi Văn L1 từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Q1 phạm tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm d, khoản 2, Điều 256; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phạm Văn Q1 từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy: số ma túy còn lại sau giám định niêm phong số 1869/KL-KTHS; 01 đĩa sứ màu trắng, thẻ ATM ngân hàng V2 có ghi NGUYEN QUOC LIEM.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng; 01 loa hiệu Harman/Kardon màu xanh dương; 01 đèn Laser Pro SF - 8386; 01 loa Sony model MHC - V02 màu đen; 01 điện thoại di động Nokia màu đen của bị cáo Thân Văn T; 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu đen của bị cáo Bùi Văn L1;

Trả lại 01 điện thoại Oppo F11 màu xanh đen cho bị cáo Nguyễn Quốc L; 01 điện thoại Iphone X màu trắng và 370.000 đồng (ba trăm bảy mươi nghìn đồng) cho bị cáo Thân Văn T; 01 điện thoại Iphone 13 Promax màu vàng cho bị cáo Phạm Văn Q1; 1.100.000 đồng cho bị cáo Bùi Văn L1

Các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố, đồng thời không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử cũng như tại phiên tòa, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ và đầy đủ, quyền được bào chữa và tự bào chữa của bị cáo được bảo đảm. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: Trong khoảng thời gian từ 17 giờ ngày 03/9/2022 đến 03 giờ ngày 04/9/2022 tại chòi lá Homestay P thuộc ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai do Phạm Văn Q1 quản lý, các bị cáo Thân Văn T, Nguyễn Quốc L, Bùi Văn L1 đã có hành vi thỏa thuận góp tiền và đi lấy ma túy về cung cấp cho chính mình và các đối tượng Lê Đức M, Nguyễn Duy P1, Lê Thị Tuyết M1, Nguyễn Đức H, Nguyễn Đức T5, Trần Kim T4, Trần Phương T6, Nguyễn Thị Hồng H1, Hồ Thị Cẩm H2 sử dụng. Hành vi của các bị cáo Thân Văn T, Nguyễn Quốc L, Bùi Văn L1 đã phạm vào tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" với tình tiết định khung hình phạt "Đối với 02 người trở lên" quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Phạm Văn Q1 dù không có thỏa thuận trước nhưng biết các bị cáo và các đối tượng có hành vi sử dụng ma túy tại cơ sở lưu trú do mình quản lý và đồng ý việc này nên hành vi của bị cáo Q1 đã phạm vào tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" với tình tiết định khung "Đối với 02 người trên lên" quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Nhà nước ta nghiêm cấm các hành vi chứa chấp, mua bán, tàng trữ, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Các bị cáo đều biết ma túy là mầm móng của các loại tội phạm khác, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì để thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi tội phạm. Do đó cần có một mức án thật nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét về tính chất, vai trò và mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc L, Thân Văn T và Bùi Văn L1 là đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Bị cáo Nguyễn Quốc L là người góp tiền với đối tượng tên T7 mua ma túy và cùng với Lê Thị Tuyết M1, Nguyễn Duy P1, Lê Đức M sử dụng. Sau đó bị cáo Thân Văn T, Bùi Văn L1 cùng đến chơi và sử dụng ma túy. Khi thấy số ma túy ban đầu đã hết thì bị cáo T và bị cáo L1 cùng nhau đi mua ma túy bằng xe máy của bị cáo L1. Sau khi có ma túy thì bị cáo T rủ Nguyễn Đức H, Trần Kim T4, Nguyễn Đức T5; còn bị cáo L1 rủ thêm Hồ Thị Cẩm H2, Trần Phương T6 và Nguyễn Thị Hồng H1 và cùng nhau sử dụng ma túy tại chòi ở Homestay P house. Do đó các bị cáo đều có trách nhiệm ngang nhau trong vụ án. Bị cáo Phạm Văn Q1 cũng phải chịu trách nhiệm với hành vi "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" của mình.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy rằng: Bị cáo Thân Văn T có nhân thân xấu, từng bị kết án, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Quốc L, Bùi Văn L1, Phạm Văn Q1 có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; bị cáo Phạm Văn Q1 có cha ruột được tặng huy chương khi tham gia cách mạng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Quốc L, Bùi Văn L1, Phạm Văn Q1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Đối với số ma túy còn lại sau giám định niêm phong số 1869/KL-KTHS là vật chứng cấm tàng trữ; 01 đĩa sứ màu trắng, thẻ ATM ngân hàng V2 có ghi NGUYEN QUOC LIEM là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[6.2] 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng); 01 loa hiệu Harman/Kardon màu xanh dương; 01 đèn Laser Pro SF - 8386; 01 loa Sony model

MHC - V02 màu đen; 01 điện thoại di động Nokia màu đen của bị cáo Thân Văn T; 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu đen của bị cáo Bùi Văn L1 là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[6.3] Giao trả lại 01 điện thoại Oppo F11 màu xanh đen cho Nguyễn Quốc L; 01 điện thoại Iphone X màu trắng và 370.000 đồng cho Thân Văn T; 01 điện thoại Iphone 13 Promax màu vàng cho Phạm Văn Q1; 1.100.000 đồng cho Bùi Văn L1.

[6.4] Đối với xe mô tô biển số 60H1-305.52 của bà Lý A D cho Nguyễn Duy P1 mượn, bà D không biết P1 sử dụng xe đến Homestay P sử dụng ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả xe mô tô này cho bà D là phù hợp.

[6.5] Đối với 02 xe mô tô có biển số: 94B1-420.10 và 67U1-4530 không có giấy chứng nhận đăng ký xe và chưa xác định được chủ sở hữu, Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển cho Công an huyện V tiếp tục xác minh, giải quyết theo quy định.

[7] Về các vấn đề khác liên quan đến vụ án:

[7.1] Đối với hành vi của các đối tượng T7, C3, B có liên quan đến vụ án nhưng chưa xác minh được nhân thân, lai lịch cụ thể. Yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V tiếp tục xác minh làm rõ và nếu có căn cứ đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

[7.2] Đối với ông Nguyễn Trường K đứng tên hộ kinh doanh và giao cho bị cáo Phạm Văn Q1 quản lý Homestay Papa H3, nhưng K không biết bị cáo Q1 có hành vi "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" nên không có căn cứ xử lý.

[7.3] Đối với Nguyễn Duy P1, Nguyễn Đức H, Lê Đức M là người nghiện ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V chuyển hồ sơ sử dụng trái phép chất ma túy của P1, H, M về địa phương nơi cư trú để xử lý theo quy định pháp luật.

[7.4] Đối với hành vi của Lê Đức M trong vụ án cần xác định, làm rõ có vai trò đồng phạm hay không tuy nhiên hiện nay Lê Đức M không còn ở địa phương nên chưa làm việc được. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V tiếp tục xác minh, làm rõ nếu có căn cứ xử lý theo quy định.

[7.5] Đối với Nguyễn Đức T5, Trần Kim T4, Hồ Thị Cẩm H2, Nguyễn Thị Hồng H1, Trương Thị Cẩm V1, Trần Phương T6, Lê Thị Tuyết M1 là các đối tượng không nghiện ma túy nhưng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an huyện V đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng và án phí phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

1.1 Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 255; điểm s, khoản 1, Điều 51, điểm h, khoản 1, Điều 52, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên bố bị cáo Thân Văn T phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"

Xử phạt bị cáo Thân Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/9/2022.

1.2 Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 255; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc L, Bùi Văn L1 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc L 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/9/2022.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn L1 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải thi hành án, nhưng được trừ đi thời hạn bị cáo bị giam, giữ từ ngày 04/9/2022 đến ngày 03/11/2022.

1.3. Căn cứ điểm d, khoản 2, Điều 256; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Q1 phạm tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy"

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q1 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/9/2022 nhưng được trừ đi thời hạn bị cáo bị giam, giữ từ ngày 04/9/2022 đến ngày 12/9/2022.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

2.1 Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng; 01 loa hiệu Harman/Kardon màu xanh dương; 01 đèn Laser Pro SF - 8386; 01 loa Model MHC-V02 màu đen; 01 điện thoại di động Nokia màu đen; 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu đen.

2.2 Tịch thu tiêu hủy: số ma túy còn lại sau giám định trong gói niêm phong số 1869/KL-KTHS; 01 đĩa sứ màu trắng, thẻ ATM ngân hàng V2 có ghi Nguyễn Quốc L.

2.3 Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quốc L 01 điện thoại Oppo F11 màu xanh đen; Trả lại cho bị cáo Thân Văn T 01 điện thoại Iphone X màu trắng và 370.000 đồng (ba trăm bảy mươi nghìn đồng); Trả lại cho bị cáo Phạm Văn Q1 01 điện thoại Iphone 13 Promax màu vàng; Trả lại cho bị cáo Bùi Văn L1.1.100.000 đồng.

(Các tài sản và vật chứng trên được giao nhận theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16 tháng 5 năm 2023 và Biên lai thu tiền số 0007138 ngày 16/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Thân Văn T, Nguyễn Quốc L, Bùi Văn L1, Phạm Văn Q1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- UBND xã nơi b/c cư trú;
- VKSND H.Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an H.Vĩnh Cửu;
- Nhà tạm giữ CA H.Vĩnh Cửu;
- CC.THADS H.Vĩnh Cửu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Tấn Phát